

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CĐ NGHỆ THUẬT HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG 3 NĂM ĐỢT 2 - NĂM 2026
NGÀNH DIỄN VIÊN KỊCH - ĐIỆN ẢNH

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐÔI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Hình thể - tiếng nói(HS1)	NK(HS2)	
1	2.DvK.01	Bùi Hồng Anh	06/06/2006	Nữ	Long Biên, Hà Nội		7.8	7.8	23.40
2	2.DvK.02	Chu Huyền Anh	02/12/2008	Nữ	Hoàng Mai, Hà Nội		8.3	8.0	24.30
3	2.DvK.04	Đỗ My Anh	01/01/2008	Nữ	Long Biên, Hà Nội		0.0	Bỏ thi	0.00
4	2.DvK.05	Lê Châu Anh	05/10/2007	Nữ	Cầu Giấy, Hà Nội		7.2	7.3	21.80
5	2.DvK.06	Ngô Tùng Anh	26/07/2008	Nam	Việt Hưng, Hà Nội		6.0	6.0	18.00
6	2.DvK.07	Nguyễn Lê Việt Anh	12/02/2008	Nam	Thanh Mai, Phú Thọ		6.5	6.8	20.10
7	2.DvK.08	Trương Thị Ngọc Ánh	28/08/2007	Nữ	Sơn Thủy, Tuyên Quang		6.8	6.8	20.40
8	2.DvK.09	Trần Văn Bình	08/06/2006	Nam	Quỳnh Lưu, Nghệ An		4.3	4.5	13.30
9	2.DvK.10	Phạm Quỳnh Chi	25/03/2006	Nữ	Đống Đa, Hà Nội		7.5	7.7	22.90
10	2.DvK.11	Nguyễn Trúc Diệp	14/10/2008	Nữ	Vĩnh Hưng, Nghệ An		6.5	7.2	20.90
11	2.DvK.13	Nguyễn Hồng Duyên	31/07/2008	Nữ	198 NVH thôn Phú Đa, Hoài Đức, Hà Nội		8.0	8.0	24.00
12	2.DvK.12	Nguyễn Trang Phi Dương	15/04/2008	Nữ	Nhân Hoà, Bắc Ninh		6.5	6.8	20.10
13	2.DvK.14	Hà Văn Đạt	11/04/2001	Nam	Long Cốc, Phú Thọ		7.5	7.8	23.10
14	2.DvK.15	Nguyễn Thị Hồng Diệp	21/10/2008	Nữ	Nội Bài, Hà Nội		4.2	4.2	12.60
15	2.DvK.16	Bùi Minh Đức	14/08/2008	Nam	Hồng Hà, Hà Nội		8.2	8.3	24.80
16	2.DvK.17	Nguyễn Ngọc Đức	24/01/2005	Nam	51 ngõ 75 Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		0.0	Bỏ thi	0.00
17	2.DvK.18	An Trà Giang	11/11/2007	Nữ	Thanh Miện, Hải Phòng		4.2	4.2	12.60
18	2.DvK.19	Nguyễn Ngọc Hà	02/06/2008	Nữ	Huỳnh Cung, Đại Thanh, Hà Nội		5.8	6.2	18.20
19	2.DvK.20	Nguyễn Thị Thu Hà	25/09/2008	Nữ	Xuân Tín, Thanh Hoá		5.5	5.3	16.10
20	2.DvK.21	Nguyễn Thu Hà	29/05/2008	Nữ	Đại Thanh, Hà Nội		4.2	4.2	12.60

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Hình thể - tiếng nói(HS1)	NK(HS2)	
21	2.DvK.23	Bạch Gia Hân	05/11/2008	Nữ	Kinh Bắc, Bắc Ninh		5.3	6.0	17.30
22	2.DvK.59	Võ Minh Hòa	25/04/2008	Nữ	Mình Châu, Nghệ An		0.0	Bỏ thi	0.00
23	2.DvK.24	Nguyễn Hữu Hoàng	06/10/2003	Nam	Hàm Rồng, Thanh Hoá		4.2	4.2	12.60
24	2.DvK.25	Nguyễn Đăng Huy	18/04/2008	Nam	Tương Mai, Hà Nội		0.0	0.0	0.00
25	2.DvK.26	Nguyễn Gia Huy	15/01/2007	Nam	Vĩnh Tuy, Hà Nội		7.8	8.0	23.80
26	2.DvK.27	Nguyễn Thanh Huyền	04/06/2008	Nữ	Nghĩa Đô, Hà Nội		6.5	6.5	19.50
27	2.DvK.28	Nguyễn Hà Linh	04/07/2008	Nữ	Tân Cương, Thái Nguyên		4.2	4.2	12.60
28	2.DvK.29	Nguyễn Quốc Linh	08/08/2008	Nam	Lam Sơn, Thanh Hoá		4.2	4.0	12.20
29	2.DvK.30	Nguyễn Thị Linh	27/09/2007	Nữ	Tân Yên, Bắc Ninh		4.2	4.2	12.60
30	2.DvK.31	Phạm Bằng Linh	28/01/2007	Nữ	Ba Đình, Hà Nội		8.3	8.3	24.90
31	2.DvK.32	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26/01/2006	Nữ	xã Hoàng An, Phú Thọ		5.3	5.5	16.30
32	2.DvK.33	Vũ Hồng Minh	01/10/2006	Nam	Kiến An, Hải Phòng		4.3	4.2	12.70
33	2.DvK.34	Bùi Thị Hương Mơ	25/10/2008	Nữ	Liên Sơn, Phú Thọ		6.8	7.0	20.80
34	2.DvK.35	Nguyễn Hải Nam	18/01/2008	Nam	Đại Mỗ, Hà Nội		7.5	7.7	22.90
35	2.DvK.36	Đỗ Thị Hồng Ngọc	09/02/2008	Nữ	Như Quỳnh, Hưng Yên		6.8	7.0	20.80
36	2.DvK.37	Hà Bảo Ngọc	17/05/2005	Nữ	Kim Liên, Hà Nội		4.2	4.0	12.20
37	2.DvK.38	Nguyễn Thị Ngọc	14/07/2002	Nữ	Hà Đông, Hà Nội		7.7	7.7	23.10
38	2.DvK.40	Cao Đức Hạnh Nhi	04/07/2008	Nữ	Thanh Liệt, Hà Nội		7.0	7.0	21.00
39	2.DvK.41	Nguyễn Thiên Phúc	14/04/2005	Nam	Tô Hiệu, Sơn La		7.0	7.2	21.40
40	2.DvK.42	Nguyễn Hồng Phước	13/07/2008	Nam	Khuong Đình, Hà Nội		6.2	6.3	18.80
41	2.DvK.43	Nguyễn Hồng Quân	04/07/2001	Nam	Lan Hùng, xã Tiên Lữ, Phú Thọ		4.2	4.0	12.20
42	2.DvK.44	Lê Thị Diễm Quỳnh	23/10/2006	Nữ	Tiên Lữ, Hưng Yên		5.8	6.2	18.20
43	2.DvK.45	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	28/11/2003	Nữ	Ngọc Hồi, Hà Nội		8.2	8.3	24.80
44	2.DvK.46	Phạm Thị Như Quỳnh	12/07/2007	Nữ	Đại Thanh, Hà Nội		7.5	7.3	22.10
45	2.DvK.47	Trần Trọng Tấn	14/03/2008	Nam	Thôn Thượng Tân, xã Nghĩa Trụ, Hưng Yên		4.2	4.2	12.60
46	2.DvK.54	Nguyễn Việt Toàn	15/01/2008	Nam	Bình Yên, Thái Nguyên		7.2	7.3	21.80

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Hình thể - tiếng nói(HS1)	NK(HS2)	
47	2.DvK.48	Phạm Hữu Thành	25/11/2007	Nam	Hà Tây, Hải Phòng		7.5	7.7	22.90
48	2.DvK.49	Dương Thị Phương Thảo	22/02/2008	Nữ	Gia Lộc, Hải Phòng		4.2	4.3	12.80
49	2.DvK.50	Hoàng Thị Anh Thơ	16/09/2007	Nữ	Thiệu Hóa, Thanh Hoá		6.2	6.2	18.60
50	2.DvK.53	Lê Phương Thủy	29/03/2006	Nữ	Đại Thanh, Hà Nội		6.2	6.2	18.60
51	2.DvK.61	Lê Anh Thư	22/02/2008	Nữ	Hai Bà Trưng, Hà Nội		7.8	8.0	23.80
52	2.DvK.51	Nguyễn Thị Thảo Thương	12/06/2007	Nữ	Phù Lãng, Bắc Ninh		7.0	7.2	21.40
53	2.DvK.55	Nguyễn Hà Phương Trang	28/11/2008	Nữ	60/561/178 Tr.Quang Khải, P.Năng Tĩnh, Ninh Bình		4.3	4.5	13.30
54	2.DvK.56	Nguyễn Phương Trang	28/08/2007	Nữ	Phúc Thịnh, Hà Nội		4.0	4.0	12.00
55	2.DvK.57	Đinh Tuyết Trinh	28/10/2008	Nữ	Xóm Đình Đa, xã Thịnh Minh, Phú Thọ		5.0	5.0	15.00
56	2.DvK.58	Nguyễn Thành Trung	06/07/2005	Nam	Bình An, Ninh Bình		7.5	7.5	22.50
57	2.DvK.52	Nguyễn Xuân Trường	08/08/2008	Nam	Xóm 4 Xương Chủ, Hải Hưng, Ninh Bình		8.7	8.3	25.30

Tổng số: 57

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hiệu trưởng
TS. Vũ Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CĐ NGHỆ THUẬT HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI TUYỂN SINH TRUNG CẤP 3 NĂM ĐỢT 2 - NĂM 2026
NGÀNH NGHỆ THUẬT BD MÚA DGDТ

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
1	2.DvM.01	Chu Hoàng Bảo An	30/08/2011	Nam	Ô Chợ Dừa, Hà Nội		5.0	7.5	20.00
2	2.DvM.02	Nguyễn Tường Minh An	17/09/2010	Nữ	Hai Bà Trưng, Hà Nội		5.0	8.5	22.00
3	2.DvM.03	Công Tuấn Anh	11/01/2007	Nam	Phú Thượng, Hà Nội		0.0	Bỏ thi	0.00
4	2.DvM.04	Nguyễn Hoàng Diệp Anh	14/09/2010	Nữ	Tổ 23 Cụm 3 phường Phú Thượng, Hà Nội		6.0	7.0	20.00
5	2.DvM.05	Nguyễn Thảo Anh	17/02/2007	Nữ	28/366 Ngọc Lâm, Bồ Đề, , Hà Nội		5.0	8.6	22.20
6	2.DvM.06	Nguyễn Vũ Văn Anh	04/09/2008	Nữ	Đông Triều, Quảng Ninh		0.0	Bỏ thi	0.00
7	2.DvM.07	Phạm Quỳnh Anh	12/11/2006	Nữ	Việt Hưng, Hà Nội		5.0	6.3	17.60
8	2.DvM.10	Trần Tuấn Anh	15/07/2011	Nam	Tuệ Tĩnh, Hải Phòng		8.0	6.5	21.00
9	2.DvM.09	Trần Thị Hà Anh	07/11/2008	Nữ	Tiên Lữ, Phú Thọ		5.0	8.0	21.00
10	2.DvM.11	Ngô Nguyệt Ánh	28/10/2008	Nữ	Quang Minh, Hà Nội		5.0	6.0	17.00
11	2.DvM.12	Nguyễn Minh Ánh	04/12/2007	Nữ	Đông Ngạc, Hà Nội		6.0	8.0	22.00
12	2.DvM.13	Hoàng Ngọc Bảo Chi	07/10/2010	Nữ	Đông Kinh, Lạng Sơn		9.3	6.7	22.70
13	2.DvM.79	Nguyễn Hà Chi	16/08/2007	Nữ	Đống Đa, Hà Nội		5.0	7.8	20.60
14	2.DvM.14	Phạm Hà Quỳnh Chi	06/02/2008	Nữ	Tổ 9 khu 8 Phường Mông Dương, Quảng Ninh		5.0	6.5	18.00
15	2.DvM.15	Đinh Nguyễn Ngọc Diệp	08/05/2008	Nữ	Tam Thanh, Lạng Sơn		6.0	7.6	21.20
16	2.DvM.16	Nguyễn Hà Mai Dương	19/10/2011	Nữ	Hà Đông, Hà Nội		5.0	6.0	17.00
17	2.DvM.17	Hoàng Linh Đan	18/04/2011	Nữ	Tây Mỗ, Hà Nội		0.0	Bỏ thi	0.00
18	2.DvM.18	Hoàng Ngọc Hà	27/12/2011	Nữ	Kiến Hưng, Hà Nội		8.0	6.0	20.00
19	2.DvM.20	Nguyễn Tô Thu Hà	19/12/2007	Nữ	TDP6 xã Bảo Lạc, Cao Bằng		0.0	Bỏ thi	0.00

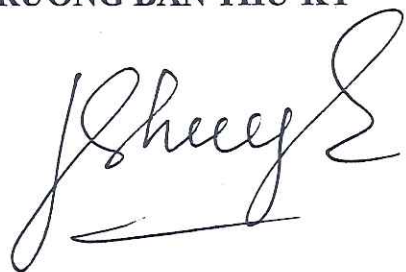
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
20	2.DvM.19	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20/12/2009	Nữ	Đông Triều, Quảng Ninh		5.0	6.3	17.60
21	2.DvM.21	Trần Thanh Hà	17/06/2008	Nữ	Yên Bái, Lào Cai		5.0	6.6	18.20
22	2.DvM.23	Nguyễn Minh Hoàng	18/07/2004	Nam	Hà Giang, Tuyên Quang		0.0	Bỏ thi	0.00
23	2.DvM.24	Trịnh Viết Hoàng	30/11/2005	Nam	Hà Giang, Tuyên Quang		6.0	7.6	21.20
24	2.DvM.25	Lê Minh Hồng	16/04/2011	Nữ	Tây Hồ, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
25	2.DvM.28	Lê Thanh Huyền	24/05/2008	Nữ	Đông Triều, Quảng Ninh		4.5	6.2	16.90
26	2.DvM.29	Nguyễn Khánh Huyền	30/01/2006	Nữ	Hà Giang, Tuyên Quang		6.0	6.0	18.00
27	2.DvM.30	Nguyễn Thanh Huyền	11/08/2004	Nữ	Ba Vì, Hà Nội		2.0	5.5	13.00
28	2.DvM.27	Nguyễn Minh Hưng	19/01/2008	Nam	Tô Hiệu, Sơn La		8.0	8.5	25.00
29	2.DvM.31	Chu Gia Khánh	27/02/2008	Nữ	Bảo Lộc, Lâm Đồng		9.0	6.0	21.00
30	2.DvM.32	Cầm Thị Hoàng Lan	22/03/2008	Nữ	Bồ Đề, Hà Nội		8.0	5.5	19.00
31	2.DvM.33	Nguyễn Thị Mai Lan	31/01/2009	Nữ	Số 28 TDP5 Phú Sơn, P. Quang Trung, Thanh Hoá		7.0	6.0	19.00
32	2.DvM.34	Dương Ngân Linh	11/02/2011	Nữ	19 ngõ 102 Khương Trung, P. Khương Đình, Hà Nội		3.0	5.4	13.80
33	2.DvM.35	Mai Thị Huyền Linh	30/05/2008	Nữ	Công Chính, Thanh Hoá		4.0	5.5	15.00
34	2.DvM.37	Trần Ngọc Linh	31/07/2005	Nữ	Hát Môn, Hà Nội		8.5	5.5	19.50
35	2.DvM.38	Bùi Thanh Loan	18/09/2008	Nữ	Thôn Xuân Hồng, xã Võ Lao, Lào Cai		5.0	5.0	15.00
36	2.DvM.39	Nguyễn Vũ Xuân Mai	26/12/2011	Nữ	Bạch Mai, Hà Nội		6.5	8.3	23.10
37	2.DvM.40	Đào Hồng Minh	03/09/2010	Nữ	Thuận An, Hà Nội		8.5	7.8	24.10
38	2.DvM.41	Hoàng Hà My	06/11/2009	Nữ	Xuân Tằng, Lào Cai		7.5	8.3	24.10
39	2.DvM.42	Nguyễn Trà My	01/07/2008	Nữ	Yên Bái, Hà Nội		7.0	6.0	19.00
40	2.DvM.43	Nguyễn Trà My	20/05/2006	Nữ	Lĩnh Nam, Hà Nội		6.0	6.5	19.00
41	2.DvM.44	Nguy Thị Thúy Nga	05/11/2006	Nữ	Cánh Thụy, Bắc Ninh		5.0	8.0	21.00
42	2.DvM.45	Nguyễn Hà Ngân	05/04/2008	Nữ	Long Biên, Hà Nội		4.5	6.7	17.90
43	2.DvM.46	Nguyễn Thị Ngọc	14/07/2002	Nữ	Hà Đông, Hà Nội		6.5	6.8	20.10
44	2.DvM.48	Phạm Thị Minh Nguyệt	29/02/2008	Nữ	Sóc Sơn, Hà Nội		Bỏ thi	0.0	0.00

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
45	2.DvM.49	Hoàng Yến Nhi	01/01/2008	Nữ	Quang Hanh, Quảng Ninh		3.5	6.6	16.70
46	2.DvM.50	Nguyễn Thị Trang Nhung	04/03/2005	Nữ	Thư Lâm, Hà Nội		5.5	6.5	18.50
47	2.DvM.51	Nguyễn Phan Hiếu Phương	12/03/2009	Nữ	Tây Phương, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
48	2.DvM.52	Phạm Minh Quân	28/09/2007	Nam	Bãi Cháy, Quảng Ninh		8.0	8.5	25.00
49	2.DvM.53	Trần Hồng Quân	13/12/2004	Nam	Hà Giang, Tuyên Quang		6.7	7.7	22.10
50	2.DvM.54	Nguyễn Ly San	07/02/2008	Nữ	Sơn Tiến, Hà Tĩnh		6.3	5.5	17.30
51	2.DvM.55	Nguyễn Cảnh Sáng	23/09/2007	Nam	Quỳnh Mai, Nghệ An		8.0	7.6	23.20
52	2.DvM.56	Chung Ming Sun	23/09/2004	Nam	Phủ Lý, Ninh Bình		6.7	7.5	21.70
53	2.DvM.57	Trần Thị Băng Sương	25/04/2008	Nữ	Vĩnh Linh, Quảng Trị		5.5	6.0	17.50
54	2.DvM.70	Hoàng Anh Tuyền	04/03/2008	Nam	Thôn Cánh Phượng, xã Kép, Bắc Ninh		6.8	7.2	21.20
55	2.DvM.58	Hà Phương Thảo	20/03/2008	Nữ	Chiềng An, Sơn La		5.0	5.5	16.00
56	2.DvM.59	Nguyễn Thanh Thảo	13/07/2011	Nữ	Từ Liêm, Hà Nội		5.3	5.5	16.30
57	2.DvM.62	Đào Thu Trang	05/05/2008	Nữ	Đông Anh, Hà Nội		0.0	0.0	0.00
58	2.DvM.61	Đặng Huyền Trang	20/04/2005	Nữ	Phú Thợ, Hà Nội		6.7	7.0	20.70
59	2.DvM.63	Khiếu Thu Trang	26/08/2009	Nữ	TDP6 phường Quang Trung, Thanh Hoá		5.7	6.0	17.70
60	2.DvM.64	Nguyễn Thị Thu Trang	04/09/2006	Nữ	Quốc Oai, Hà Nội		5.8	6.0	17.80
61	2.DvM.65	Nguyễn Thu Trang	26/08/2008	Nữ	Hoàng Mai, Hà Nội		0.0	0.0	0.00
62	2.DvM.66	Phạm Nguyễn Huyền Trang	21/05/2009	Nữ	Bắc Mê, Tuyên Quang		8.2	8.3	24.80
63	2.DvM.67	Tô Vũ Thu Trang	19/02/2008	Nữ	Thanh Liệt, Hà Nội		0.0	0.0	0.00
64	2.DvM.60	Nguyễn Phạm Bảo Trân	20/12/2009	Nữ	Bình Hưng, Tp Hồ Chí Minh		8.3	8.0	24.30
65	2.DvM.68	Ngô Quang Trung	07/11/2007	Nam	Kỳ Sơn, Phú Thọ		5.7	6.0	17.70
66	2.DvM.69	Hà Mạnh Trường	12/10/2005	Nam	Quỳ Hợp, Nghệ An		7.3	7.5	22.30
67	2.DvM.71	Phan Hữu Uy	19/07/2010	Nam	Thanh Trì, Hà Nội		5.0	6.0	17.00
68	2.DvM.72	Ngô Thu Uyên	25/03/2006	Nữ	Tiên Viên, Quảng Ninh		6.2	6.5	19.20
69	2.DvM.73	Trần Hà Uyên	28/07/2008	Nữ	Hoàn Kiếm, Hà Nội		6.2	6.5	19.20

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
70	2.DvM.74	Nguyễn Viễn	15/12/2008	Nữ	Số 22 Phú Cốc, Hà Hồi, Hồng Vân, Hà Nội		6.0	6.5	19.00
71	2.DvM.75	Lê Tường Vy	12/12/2006	Nữ	Thụy Anh, Hưng Yên		4.7	5.5	15.70
72	2.DvM.76	Nguyễn Thị Ánh Vy	02/03/2006	Nữ	Thanh Xuân, Hà Nội		6.0	6.5	19.00
73	2.DvM.77	Vũ Điền Trúc Vy	05/06/2011	Nữ	Tương Mai, Hà Nội		5.3	6.0	17.30
74	2.DvM.78	Nguyễn Văn Ý	14/01/2006	Nam	Đông Hưng, Hưng Yên		7.8	8.0	23.80

Tổng số: 74

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hiệu trưởng
TS. Vũ Tiến Dũng

